

CÔNG TY CỔ PHẦN DAP - VINACHEMSố: 184./GT-DAP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúcV/v: giải trình sự biến động lợi nhuận sau thuế và lãi
trên BCTC quý I năm 2022 so với cùng kỳ năm trướcHải Phòng, ngày 13 tháng 4 năm 2022Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty: Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM (DDV)

Trụ sở chính: Lô N5.8 Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, Phường Đông Hải II, Quận
Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 02253 979 368

Fax: 02253 979 170

Website: www.dap-vinachem.com.vn

Email: daphaiphong@gmail.com

Căn cứ báo cáo tài chính quý I năm 2022, Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM (mã chứng khoán DDV) xin được
giải trình sự biến động lợi nhuận sau thuế và lãi quý I năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (quý I/2021) như sau:

Loại báo cáo	Lợi nhuận sau thuế		Chênh lệch (1) - (2)	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
	Quý I/2022(1)	Quý I/2021 (2)		
Báo cáo tài chính	136.500.129.553	35.502.106.850	100.998.022.703	284,48%

Nguyên nhân:

STT	Chỉ tiêu	Quý I/2022	Quý I/2021	Chênh lệch	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
(I)	(II)	(III)	(IV)	(V) = (III) - (IV)	(%)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	867.408.587.259	646.294.893.378	221.113.693.881	34,21%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	4.476.763.554	14.137.715.461	(9.660.951.907)	-68,33%
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	862.931.823.705	632.157.177.917	230.774.645.788	36,51%
4	Giá vốn hàng bán	679.607.544.792	547.776.956.135	131.830.588.657	24,07%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	183.324.278.913	84.380.221.782	98.944.057.131	117,26%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	6.780.331.325	1.263.158.879	5.517.172.446	436,78%
7	Chi phí tài chính	2.650.812.882	2.226.815.457	423.997.425	19,04%
8	Chi phí bán hàng	12.757.511.019	21.963.294.884	(9.205.783.865)	-41,91%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	29.053.969.629	29.350.530.724	(296.561.095)	-1,01%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	145.642.316.708	32.102.739.596	113.539.577.112	353,68%
11	Thu nhập khác	46.700.182	3.399.412.950	(3.352.712.768)	-98,63%
12	Chi phí khác	2.812.200	45.696	2.766.504	6054,15%
13	Lợi nhuận khác	43.887.982	3.399.367.254	(3.355.479.272)	-98,71%
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	145.686.204.690	35.502.106.850	110.184.097.840	310,36%
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.186.075.137	-	9.186.075.137	-
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	136.500.129.553	35.502.106.850	100.998.022.703	284,48%

Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN quý I/2022 lãi với số tiền 136.500 trđ, tăng so với cùng kỳ năm trước với số tiền 100.998 trđ là do:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kỳ này là 867.408 trđ, tăng 221.113 trđ so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do tăng giá bán. Giá bán bình quân đã trừ chiết khấu kỳ này là 18,353 trđ/tấn, tăng so với cùng kỳ năm trước với số tiền 9,719 trđ/tấn (Giá bán bình quân đã trừ chiết khấu quý I/2021 là 8,634 trđ/tấn)
- Các khoản giảm trừ doanh thu (chiết khấu bán hàng) kỳ này là 4.476 trđ, giảm so với cùng kỳ năm trước với số tiền 9.661 trđ là do kỳ này Công ty thực hiện xuất khẩu nhiều nên không áp dụng chiết khấu đối với hàng xuất khẩu.
- Giá vốn hàng bán kỳ này là 679.607 trđ, tăng so với cùng kỳ năm trước là 131.830 trđ. Giá vốn hàng bán tăng chủ yếu là do biến động tăng giá nguyên vật liệu và các yếu tố chi phí đầu vào phục vụ sản xuất.
- Doanh thu hoạt động tài chính kỳ này là 6.780 trđ, tăng so với cùng kỳ năm trước là 5.517 trđ chủ yếu là do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và phát sinh lãi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng.
- Chi phí tài chính kỳ này là 2.650 trđ, tăng so với cùng kỳ năm trước là 424 trđ. Chi phí tài chính tăng do phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá và phát sinh tiền chiết khấu thanh toán do khách hàng trả trước tiền hàng.
- Chi phí bán hàng kỳ này là 12.757 trđ, giảm 9.205 trđ so với cùng kỳ năm 2021. Chi phí bán hàng giảm là do giảm chi phí vận chuyển và phí ủy thác xuất khẩu.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp kỳ này là 29.054 trđ, giảm nhẹ so với cùng kỳ năm 2021
- Thu nhập khác kỳ này là 46 trđ, giảm so với cùng kỳ năm trước số tiền 3.352 trđ là do kỳ này không phát sinh các khoản thu nhập bất thường như phạt vi phạm hợp đồng và các khoản thu nhập khác.
- Chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này phải nộp với số tiền 9.186 trđ, do đã bù hết số lỗ các năm trước chuyển sang, Công ty thực hiện nộp thuế trên số lợi nhuận thực hiện.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu KTTC; TCHC.

